TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST
Ngày 13-8-2018
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Duyên**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Diệu Ký**
2. Bà **Trần Thị Tím**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Tài** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Đoàn Tố Quyên -** Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sở thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Kim Thị T**, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Kim Sóc Sa R**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- *Người phiên dịch tiếng Khmer:* Ông **Thạch D.** Địa chỉ: Khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/6/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Kim Thị T trình bày: Vào năm 2010 chị được gia đình cho phép kết hôn với anh Kim Sóc Sa R, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Sau khi cưới vợ chồng chị sống chung có hạnh phúc được khoảng 06 năm và có với nhau một người con chung tên Kim Thị Ngọc Tr, sinh ngày 26/10/2011. Về

sau thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Sa R thường hay nhậu nhẹt và còn đập phá đồ đạc, nên chị đã đi Bình Dương làm việc và sống ly thân cho đến nay đã hơn một năm. Anh Sa R cũng có điện thoại kêu chị về nhưng đa số là nói chuyện hăm dọa, hiện tại ở nhà anh Sa R còn nhậu nhiều hơn lúc trước. Chị thấy không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này nữa, hơn nữa cách đây vài tháng chị đã khởi kiện xin ly hôn một lần, Tòa án cũng đã hòa giải cho anh chị, vì muốn cho anh Sa R một cơ hội để sửa đổi tính tình nên chị đã rút đơn khởi kiện, nhưng đến nay anh Sa R vẫn không thay đổi. Do đó chị quyết định xin được ly hôn. Về con chung thì chị đồng ý giao cho anh Sa R nuôi dưỡng, vợ chồng không có tài sản chung hay nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/7/2018 và tại các buổi hòa giải, bị đơn anh Kim Sóc Sa R trình bày: Anh thống nhất như chị T trình bày về quan hệ hôn nhân, con chung là cháu Kim Thị Ngọc Tr sống chung với anh từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Tài sản chung và nợ chung thì không có. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Sa R cho rằng vẫn còn tình cảm với chị T nên anh không đồng ý ly hôn, xin được đoàn tụ với chị T.

Tại phiên tòa, chị T có ý kiến tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 600.000 đồng cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn với anh R. Về con chung, giao cháu Kim Thị Ngọc Tr cho anh Sa R nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc cấp dưỡng nuôi con 600.000 đồng/tháng. Tài sản chung và nợ chung, các đương sự đều xác nhận không có nên không xem xét. Về án phí, đề nghị miễn án phí sơ thẩm cho nguyên đơn do thuộc diện người diện tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại xã T, huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 36; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Kim Thị T yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Kim Sóc Sa R. Về con chung, chị T đồng ý giao cháu Kim Thị Ngọc Tr, sinh ngày 26/10/2011 cho anh Sa R nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, chị T trình bày không có.

Qúa trình giải quyết vụ án, anh Sa R không đồng ý ly hôn. Về con chung, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì đồng ý nhận nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Anh Sa R cũng thống nhất là vợ chồng không có tài sản chung và

nợ chung. Nhận thấy giữa các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa ra xét xử theo quy định.

Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Sa R xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T nên được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống có hạnh phúc trong thời gian đầu khoảng 06 năm, sau đó thì có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thường cãi nhau, hai bên đã ly thân từ năm 2017 đến nay, có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không thành.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải, động viên nhưng chị T cương quyết vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn đối với anh Sa R. Kể từ khi thụ lý vụ án đến nay mặc dù anh Sa R có nguyện vọng xin đoàn tụ nhưng trong khoảng thời gian giải quyết vụ án anh Sa R không thuyết phục được chị T tiếp tục cuộc sống vợ chồng. Hơn nữa, trước lần khởi kiện này chị T đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Sa R vào tháng 03/2018, được Tòa án hòa giải chị Trịnh đã tự nguyện rút đơn khởi kiện để đoàn tụ nhưng cho đến nay vẫn không đoàn tụ được và tại phiên tòa hôm nay chị T kiên quyết ly hôn với anh Sa R. Anh Sa R cũng thừa nhận bản thân thường xuyên uống rượu và hiện nay còn nhậu nhiều hơn do buồn chuyện gia đình, anh R xin được đoàn tụ, hứa sẽ sửa chữa nhưng chị T không chấp nhận, điều này cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh Sa R đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn đến mức không thể hàn gắn được, quan hệ hôn nhân đã thật sự rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Chị T và anh Sa R thống nhất có 01 người con chung là cháu Kim Thị Ngọc Tr, sinh ngày 26/10/2011. Chị T đồng ý giao con cho anh Sa R nuôi dưỡng và chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 600.000 đồng, anh Sa R đồng ý tiếp tục nuôi cháu Tr. Nhận thấy đây là sự tự nguyện giao con của nguyên đơn, hơn nữa từ lúc anh chị ly thân đến nay cháu Tr vẫn sống với anh Sa R. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Kim Thị Ngọc Tr cho anh Sa R được quyền nuôi dưỡng là phù hợp và ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều thống nhất là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị T được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm, do là người dân tộc Khmer, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú về giải quyết nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 36; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 147; Điều 273; Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 51; 53; 54; 56; 57; 58; 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Kim Thị T được ly hôn với anh Kim Sóc Sa R.

2. Về con chung: Giao cháu Kim Thị Ngọc Tr, sinh ngày 26/10/2011 cho anh Kim Sóc Sa R được tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Kim Thị T về cấp dưỡng nuôi con 600.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người nuôi dưỡng. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng sau khi ly hôn.

3. Án phí sơ thẩm: Miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị Kim Thị T

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND, VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Duyên